

THÔNG BÁO
Công khai thông tin chất lượng giáo dục tiểu học thực tế cuối năm học
Năm học 2023 - 2024

	Tổng số	Chia ra				
		Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I. TỔNG SỐ HS	484	94	93	108	102	87
TỔNG SỐ LỚP	15	3	3	3	3	3
HS NỮ	232	40	53	51	44	44
HS KHUYẾT TẬT	7	1	3	3		
HS DÂN TỘC	4		2	1		1
HS HCKK	16	1	2	5	6	2
II. Học sinh học 2 buổi/ngày	484	94	93	108	102	87
Số lớp học 2 buổi/ngày	15	3	3	3	3	3
HỌC SINH BÁN TRÚ	359	87	85	79	55	53
Số lớp bán trú	12	3	3	2	2	2
III. Đánh giá học sinh						
Tổng số HS xếp loại các môn học	484	94	93	108	102	87
1. Tiếng Việt	484	94	93	108	102	87
Chia ra: - Hoàn thành tốt	251	56	57	49	62	27
- Hoàn thành	230	35	36	59	40	60
- Chưa hoàn thành	3	3				
2. Toán	484	94	93	108	102	87
Chia ra: - Hoàn thành tốt	308	81	64	54	66	43
- Hoàn thành	173	10	29	54	36	44
- Chưa hoàn thành	3	3				
3.Khoa học	189				102	87
Chia ra: - Hoàn thành tốt	106				73	33
- Hoàn thành	83				29	54
- Chưa hoàn thành						
4.Lịch sử & Địa lý	189				102	87
Chia ra: - Hoàn thành tốt	82				54	28
- Hoàn thành	107				48	59
- Chưa hoàn thành						
5. Ngoại ngữ 1 (Tiếng Anh)	484	94	93	108	102	87
Chia ra: - Hoàn thành tốt	198	29	36	48	57	28
- Hoàn thành	286	65	57	60	45	59
- Chưa hoàn thành						
6. Hoạt động trải nghiệm	397	94	93	108	102	
Chia ra: - Hoàn thành tốt	235	56	55	53	71	
- Hoàn thành	162	38	38	55	31	
- Chưa hoàn thành						
7. Tin học	87					87
Chia ra: - Hoàn thành tốt	32					32
- Hoàn thành	55					55

- Chưa hoàn thành						
8. Đạo đức	484	94	93	108	102	87
Chia ra: - Hoàn thành tốt	309	57	63	56	79	54
- Hoàn thành	175	37	30	52	23	33
- Chưa hoàn thành						
9. Tự nhiên và Xã hội	295	94	93	108		
Chia ra: - Hoàn thành tốt	173	57	58	58		
- Hoàn thành	122	37	35	50		
- Chưa hoàn thành						
10. Âm nhạc- NT ÂN (khối 1,2,3,4)	484	94	93	108	102	87
Chia ra: - Hoàn thành tốt	236	47	53	53	56	27
- Hoàn thành	245	44	40	55	46	60
- Chưa hoàn thành	3	3				
11. Mĩ thuật- NT MT (khối 1,2,3,4)	484	94	93	108	102	87
Chia ra: - Hoàn thành tốt	279	57	63	63	63	33
- Hoàn thành	205	37	30	45	39	54
- Chưa hoàn thành						
12. Tin học và Công nghệ (Công nghệ)	210			108	102	
Chia ra: - Hoàn thành tốt	51			51	77	
- Hoàn thành	82			57	25	
- Chưa hoàn thành						
13. Tin học và Công nghệ (Tin học)	210			108	102	
Chia ra: - Hoàn thành tốt	144			65	79	
- Hoàn thành	66			43	23	
- Chưa hoàn thành						
14. Kỹ thuật	87					87
Chia ra: - Hoàn thành tốt	34					34
- Hoàn thành	53					53
- Chưa hoàn thành						
15. Thể dục-GDTC	484	94	93	108	102	87
Chia ra: - Hoàn thành tốt	256	50	57	60	59	30
- Hoàn thành	227	43	36	42	49	57
- Chưa hoàn thành	1	1				
Về năng lực (TT 22/2016)						
1. Tự phục vụ, tự quản	87					87
Chia ra: - Tốt	49					49
- Đạt	38					38
- Cần cố gắng						
2. Hợp tác	87					87
Chia ra: - Tốt	49					49
- Đạt	38					38
- Cần cố gắng						
3. Tự học và giải quyết vấn đề	87					87
Chia ra: - Tốt	49					49
- Đạt	38					38
- Cần cố gắng						
Về phẩm chất (TT 22/2016)						
1. Chăm học, chăm làm	87					87

Chia ra: - Tốt	46					46
- Đạt	41					41
- Cần cố gắng						
2. Tự tin, trách nhiệm	87					87
Chia ra: - Tốt	51					51
- Đạt	36					36
- Cần cố gắng						
3. Trung thực, kỷ luật	87					87
Chia ra: - Tốt	50					50
- Đạt	37					37
- Cần cố gắng						
4. Đoàn kết, yêu thương	87					87
Chia ra: - Tốt	50					50
- Đạt	37					37
- Cần cố gắng						
Năng lực cốt lõi (TT27/2020)						
1.Năng lực chung	397	94	93	108	102	
* Tự chủ&tự học	258	58	67	66	67	
Tốt	138	35	26	36	41	
Đạt	1	1				
Cần cố gắng						
* Giao tiếp & hợp tác	397	94	93	108	102	
Tốt	262	56	65	67	74	
Đạt	134	37	28	41	28	
Cần cố gắng	1	1				
*Giải quyết vấn đề &sáng tạo	397	94	93	108	102	
Tốt	259	59	61	67	72	
Đạt	137	34	32	41	30	
Cần cố gắng	1	1				
2.Năng lực đặc thù						
*Ngôn ngữ	397	94	93	108	102	
Tốt	253	55	66	65	67	
Đạt	143	38	27	43	35	
Cần cố gắng	1	1				
*Tính toán	397	94	93	108	102	
Tốt	257	63	62	65	67	
Đạt	140	31	31	43	35	
Cần cố gắng						
*Khoa học	397	94	93	108	102	
Tốt	243	53	64	62	64	
Đạt	154	41	29	46	38	
Cần cố gắng						
*Công nghệ	210			108	102	
Tốt	135			63	72	
Đạt	75			45	30	
Cần cố gắng						
*Tin học	210			108	102	
Tốt	135			62	73	

Đạt	75			46	29	
Cần cố gắng						
* Thăm mĩ	397	94	93	108	102	
Tốt	248	51	58	63	76	
Đạt	149	43	35	45	26	
Cần cố gắng						
*Thể chất	397	94	93	108	102	
Tốt	255	53	63	63	76	
Đạt	142	41	30	45	26	
Cần cố gắng						
Phẩm chất chủ yếu (TT27/2020)						
1. Yêu nước	397	94	93	108	102	
Tốt	291	61	74	83	73	
Đạt	106	33	19	25	29	
Cần cố gắng						
2.Nhân ái	397	94	93	108	102	
Tốt	286	62	68	76	80	
Đạt	111	32	25	32	22	
Cần cố gắng						
3.Chăm chỉ	397	94	93	108	102	
Tốt	275	60	66	65	84	
Đạt	122	34	27	43	18	
Cần cố gắng						
4.Trung thực	397	94	93	108	102	
Tốt	275	63	66	66	80	
Đạt	122	31	27	42	22	
Cần cố gắng						
5.Trách nhiệm	397	94	93	108	102	
Tốt	280	65	72	66	77	
Đạt	117	29	21	42	25	
Cần cố gắng						
IV. HS.K.Tập ĐG	7	1	3	3		
V. HS.K.Tập không ĐG	0	0	0	0	0	0
VI. Học sinh bỏ học	0	0	0	0	0	0
VII. Tổng hợp kết quả cuối năm	397	94	93	108	102	
1. Kết quả GD cuối năm (khối 1,2,3,4)	295	94	93	108	102	
Hoàn thành xuất sắc	118	31	30	32	25	
Hoàn thành tốt	69	10	22	13	24	
Hoàn thành	207	50	41	63	53	
Chưa hoàn thành	3	3				
2. Hoàn thành chương trình lớp học	481	91	93	108	102	87
3. Chưa Hoàn thành CT lớp học	3	3				
+ Rèn luyện trong hè	3	3				
+ ở lại lớp						
4. Khen thưởng cấp trường	237	41	52	45	49	50
HS xuất sắc/HS hoàn thành Xuất sắc các nội dung học tập và rèn luyện	139	31	30	32	25	21

HS tiêu biểu/ HS có thành tích vượt trội	98	10	22	13	24	29
5. Khen thưởng cấp trên	21	2	2	2	5	10

Hồng Phong, ngày 30 tháng 5 năm 2024

